

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án các khu đất, rẻo đất xen kẽ trong khu dân cư, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Các khu đất, rẻo đất xen kẽ trong khu dân cư, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn; tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 01/10/2020;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Các khu đất, rẻo đất xen kẽ trong khu dân cư, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 334/TTPTQĐ-PTQĐ ngày 03/11/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1100/TTr-STNMT ngày 23/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Các khu đất, rẻo đất xen kẽ trong khu dân cư, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định.

Điều 2. Trách nhiệm của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Nhơn Bình theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra. Bàn giao cho đơn vị có chức năng vận hành các biện pháp bảo vệ môi trường sau khi đã hoàn thành việc xây dựng.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Chủ dự án;
- UBND phường Nhơn Bình;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN CÁC KHU ĐẤT, RẼO ĐẤT XEN KẼ TRONG KHU DÂN CƯ,
PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN CỦA TRUNG TÂM
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Các khu đất, rẻo đất xen kẽ trong khu dân cư, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

1.2. Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn

1.3. Địa điểm: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: diện tích dự án là 75.985 m², với tổng dân cư khoảng 1.208 người.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cụ thể: san nền, giao thông, hệ thống cấp và thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ bể tự hoại tập trung, ảnh hưởng vấn đề thoát nước của khu dân cư hiện hữu xung quanh dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,16 m³/ngày.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 128,83 m³/ngày.
- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, đất đổ thải; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.
- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

- Trong giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 330 kg/ngày, đất thải từ quá trình bóc hữu cơ khoảng 2.530,6 m³.

- Trong giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 878,4 kg/ngày, bùn thải phát sinh từ bể tự hoại khoảng 58,92 tấn/6 tháng.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ đào đất có thành phần bùn, sét lỏng, dễ phân tán vào môi trường nước.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh với tổng khối lượng khoảng 90 kg/năm và giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 380 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,...chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, nổ, ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Khi chưa hoàn thành hạ tầng khung thoát nước thải của thành phố: đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ các hộ dân (tách riêng hệ thống thu gom nước mưa) của 03 điểm dân cư thuộc dự án về 02 bể tự hoại tập trung, cụ thể: 01 bể có thể tích 342 m³ ở phía Đông Nam của điểm số 3 để thu gom nước thải từ điểm số 3 và điểm số 1; 01 bể có thể tích 79 m³ ở phía Nam của điểm số 2 để thu gom nước thải từ điểm số 2. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại tập trung và dẫn bằng đường ống nhựa HDPE, đường kính 300mm thải ra kênh Lạc Trường (tọa độ xả thải: 1.528.297, 600.537).

- Khi hoàn thành hạ tầng khung thoát nước thải của thành phố: đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hạ tầng khung (tọa độ đầu nối: 1.526.159, 590.198) để dẫn nước thải của dự án về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

b) Nước mưa chảy tràn

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các đường ống, hố ga; xây dựng mương thoát nước xung quanh khu đất đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn của dự án.

Xây dựng hệ thống công dọc ranh giới các điểm dân cư trong dự án và khu dân cư hiện hữu, đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn của khu vực dự án và khu dân cư hiện hữu.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích đất cây xanh có diện tích 2.012 m²; trải nhựa các tuyến đường nội bộ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Đất từ quá trình bóc hữu cơ và xà bần từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng sẽ được vận chuyển đến khu đất cây xanh CX1 và CX2 nằm trong khu đất quy hoạch của dự án để san lấp mặt bằng.

- CTR sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác (xe rác đẩy tay,...) tại nhà chứa chất thải rắn tại khu cây xanh CX1 với diện tích khoảng 30 m².

- CTNH: trang bị các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực riêng có mái che để thu gom CTNH phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, chỉ thi công trong khoảng thời gian từ 7h- 11h30, 13h30-17h.

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích để trồng cây xanh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn xây dựng: ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động: bàn giao cho đơn vị có chức năng thường xuyên kiểm tra, khơi thông các hồ ga, cống thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Khu tập kết rác thải 30 m².

- 02 Bể tự hoại tập trung có thể tích 342 m³ và 79 m³.

- Diện tích cây xanh 2.012 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: không thực hiện.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát nước thải: thực hiện trong giai đoạn nước thải của dự án chưa được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố ga sau bể tự hoại tập trung điểm số 3 (tọa độ: 1.528.419; 600.587) và 01 điểm tại hố ga sau bể tự hoại tập trung điểm số 2 (tọa độ: 1.528.155; 600.810).

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliforms. Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K = 1.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần. Có thể tiến hành các đợt quan trắc bổ sung khi có những dấu hiệu ô nhiễm môi trường.

Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.